Mã số:	292
Ngày nhận:	21/07/2016
Ngày gửi phản biện lần 1:	22/07/2016
Ngày gửi phản biện lần 2:	03/08/2016
Ngày hoàn thành biên tập:	27/10/2016
Ngày duyệt đăng:	28/10/2016

HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY HỢP DANH TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2014

Nguyễn Vinh Hưng[1]

Tóm tắt

Kể từ Luật Doanh nghiệp năm 1999, công ty hợp danh được chính thức quy định trở lại. Tuy nhiên, sau khoảng thời gian tương đối dài, đến nay công ty hợp danh vẫn gần như không phát triển tại Việt Nam. Nghiên cứu cho thấy, một trong số các nguyên nhân dẫn đến việc công ty hợp danh không phát triển tại Việt Nam còn là do hệ thống các quy định pháp luật về loại hình công ty hợp danh hiện nay đang tồn tại khá nhiều bất cập.

Từ khóa: *Luật Doanh nghiệp, công ty hợp danh, tư cách pháp nhân, thành viên hợp danh, thành viên góp vốn.*

Abstract

Since the Enterprise law 1999, general partnership has officially been stipulated again. However, after a quite long duration, general partnership has almost no further development in Vietnam so far. According to research, one the causes resulting in non-development of general partnership in Vietnam is that the current regulations on general partnership are inadequate.

Keywords: *Enterprise law, general partnership, legal entity, general partner, limited partner.*

[1] TS, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Email: nguyenvinhhung85@gmail.com

1. Dẫn nhập

Thực tiễn kinh doanh một số năm gần đây cho thấy, trong số các loại hình công ty hiện nay của Việt Nam thì công ty hợp danh (*general partnership*), đang là loại hình công ty chiếm số lượng ít nhất. Kể từ Luật Doanh nghiệp năm 1999 đến Luật Doanh nghiệp năm 2014, "công ty hợp danh hầu như không phát triển mấy ở Việt Nam".[2] Tuy nhiên, đây lại "là một trong các hình thức công ty xuất hiện sớm nhất và đáp ứng rất tốt các đòi hỏi của thị trường".[3] Nghiên cứu cho thấy, "tại các quốc gia Châu Á, nơi đặt nặng mối quan hệ thân thiết giữa các thành viên trong kinh doanh thì công ty hợp danh vẫn rất phát triển. Thậm chí ngay tại Châu Âu hoặc Hoa Kỳ - những nơi vốn nổi tiếng bởi truyền thống kinh doanh tư bản thực dụng thì công ty hợp danh vẫn luôn được đông đảo tầng lớp các nhà đầu tư tại đó ưa chuộng".[4]

Tại Việt Nam, trong thời kỳ Pháp thuộc, công ty hợp danh đã từng xuất hiện dưới các hình thức như "công ty đồng danh hay hội hợp danh".[5] Sau khi đất nước tiến hành đổi mới toàn diện thì "các hình thức kinh doanh như nhóm kinh doanh, tổ hợp tác… đều có thể coi là các dạng của công ty hợp danh ngày nay".[6] Phải kể từ Luật Doanh nghiệp năm 1999, loại hình công ty hợp danh mới được chính thức quy định trở lại với vỏn vẹn bốn Điều luật.[7] Kế thừa và phát triển từ Luật Doanh nghiệp năm 1999, Luật Doanh nghiệp năm 2005 và Luật Doanh nghiệp năm 2014 tiếp tục hoàn thiện và mở rộng thêm các quy định về loại hình công ty hợp danh. Điều này chứng tỏ sự kỳ vọng của nhà làm luật đối với loại hình công ty hợp danh ngày càng lớn hơn.

Tuy nhiên, trải qua thời gian tương đối dài, cho đến nay công ty hợp danh vẫn chưa thực sự phát triển tại Việt Nam. Điều này, đặt ra vấn đề liệu công ty hợp

---

[2] Minh Ngọc, Ngọc Hà (2011), *Luật Kinh tế*, Nhà xuất bản Lao động, tr. 224.
[3] Ngô Văn Tăng Phước (2009), *Giáo trình Pháp luật kinh tế*, Nhà xuất bản Thống kê, tr. 157.
[4] Nguyễn Vinh Hưng (2013), "Công ty hợp danh theo Luật Doanh nghiệp năm 2005 - một số bất cập và kiến nghị", *Dân chủ và pháp luật*, số 7 (256), tr. 35.
[5] Lê Tài Triển, Nguyễn Vạng Thọ, Nguyễn Tân (1973), *Luật Thương Mại Việt Nam dẫn giải*, Nhà xuất bản Kim lai ấn quán, Quyển II, tr. 763.
[6] Nguyễn Vinh Hưng (2015), "Phân biệt công ty hợp danh và công ty hợp vốn đơn giản theo Luật Doanh nghiệp năm 2014", *Nghề luật*, số 06/2015, tr. 9.
[7] Điều 95 đến Điều 98, *Luật Doanh nghiệp năm 1999*.

danh có thực sự phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thói quen kinh doanh tại Việt Nam hay không? Nếu như công ty hợp danh là loại hình công ty phù hợp với tâm lý kinh doanh, truyền thống thương mại và các điều kiện tại Việt Nam thì lý do nào khiến cho công ty này không được các nhà đầu tư đón nhận? Đây đều là các vấn đề hết sức quan trọng và rất cần có sự nghiên cứu để tìm ra nguyên nhân. Trên cơ sở đó, tìm ra các giải pháp hiệu quả giúp cho loại hình công ty hợp danh có thể phát triển tốt tại Việt Nam.

2. Tầm quan trọng của công ty hợp danh trong hệ thống các loại hình doanh nghiệp kinh doanh tại Việt Nam hiện nay

Hiện nay, bên cạnh loại hình công ty hợp danh, Luật Doanh nghiệp năm 2014 còn quy định một số loại hình công ty khác. Tuy nhiên, thực tiễn kinh doanh tại Việt Nam cho thấy, các loại hình doanh nghiệp này vẫn còn tồn tại một số vấn đề và chưa thật sự phù hợp với môi trường thương mại tại Việt Nam.

Đối với loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên thì hạn chế đối với công ty này thể hiện, khi số lượng thành viên công ty luôn bị khống chế (không được vượt quá 50 thành viên trong mọi trường hợp). Điều này là khó khăn rất lớn vì với nhu cầu phát triển của công ty thì khó có thể dự đoán trước rằng đến giai đoạn nào, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên cần phải mở rộng thêm quy mô. Ngoài ra, các hạn chế khác của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên còn thể hiện khi việc chuyển nhượng phần vốn của các thành viên luôn bị hạn chế; mặt khác, tính chất trách nhiệm hữu hạn về tài sản đôi khi có thể làm giảm trách nhiệm của các thành viên với khách hàng. Có lẽ vì vậy, nên đã có quan điểm cho rằng, "khi làm ăn với công ty trách nhiệm hữu hạn khách hàng có nhiều lý do để cẩn trọng".[8]

Đối với loại hình doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì điểm chung giữa hai loại hình doanh nghiệp này là luôn bị bó hẹp trong phạm vi kinh doanh nhỏ, lẻ do chúng chỉ có một chủ sở hữu duy nhất. Như

[8] Phạm Duy Nghĩa (2009), *Luật Doanh nghiệp: tình huống - phân tích - bình luận*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 71.

vậy, đến một giai đoạn đòi hỏi nguồn vốn lớn, các loại hình doanh nghiệp một thành viên này sẽ gặp phải rất nhiều hạn chế, khó khăn. Ngoài ra, khi xu thế hiện nay là các nhà đầu tư luôn muốn mở rộng hợp tác để san sẻ rủi ro kinh doanh thì các loại hình doanh nghiệp một chủ sở hữu càng trở nên yếu thế và rất khó cạnh tranh với các loại hình công ty có nhiều chủ sở hữu.

Công ty cổ phần là loại hình công ty khá được ưa chuộng trên thị trường hiện nay. Tuy nhiên, mô hình công ty cổ phần chỉ thích hợp khi vận hành trên quy mô kinh doanh lớn, thậm chí rất lớn. Vì thế, quy mô của công ty cổ phần không phù hợp với đại đa số thương nhân Việt Nam. Hơn nữa, việc quản trị, điều hành công ty cổ phần cũng khá phức tạp do công ty tồn tại nhiều thiết chế quản lý, điều hành và giám sát. Có lẽ, chỉ có các công ty với quy mô tổ chức lớn (các ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, các tập đoàn nhà nước đang cổ phần hóa…) mới nên thành lập dưới mô hình của công ty cổ phần. Nghiên cứu gần đây càng chứng tỏ công ty cổ phần không thực sự thích hợp với đại đa số thương nhân Việt Nam: "Doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm 95% tổng số doanh nghiệp ở Việt Nam, được đánh giá là lực lượng năng động, có đóng góp nhiều cho tăng trưởng GDP".[9] Mặt khác, trong báo cáo gần nhất của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thì: "càng ngày các doanh nghiệp Việt càng trở nên li ti chứ không gọi là siêu nhỏ nữa".[10] Còn nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung Ương cho biết: "Nhiều nghiên cứu và thực tế đã chỉ ra rằng chính các doanh nghiệp nhỏ và vừa là một động lực quan trọng thúc đẩy phát triển và đổi mới kinh tế - xã hội… Doanh nghiệp nhỏ và vừa đã thực sự định nghĩa lại những thị trường hoàn toàn mới, khởi đầu làn sóng sáng tạo - đổi mới không chỉ cho quốc gia mà cả thế giới".[11] Từ đó, càng có thể khẳng định và dự báo mô hình kinh

[9] Đỗ Thị Kim Tiên (2013), "Hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm quyền bình đẳng doanh nghiệp ở Việt Nam", *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 9 (258), tr. 42.

[10] *Doanh nghiệp Việt ngày càng li ti*, truy cập ngày 6/7/2016 14:20PM, từ http://tuoitre.vn/tin/kinh-te/20160704/doanh-nghiep-viet-ngay-cang-li-ti/1130905.html.

[11] Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung Ương - Cổng thông tin kinh tế Việt Nam (2010), *Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, truy cập ngày 23/6/2016, lúc 19:10 PM, từ *http://www.vnep.org.vn/vi-vn/Cac-loai-hinh-doanh-nghiep/Phat-trien-Doanh-nghiep-nho-va-vua-o-Viet-Nam.html.*

doanh nhỏ, vừa và đề cao sự tin cậy giữa các thành viên sẽ có thể tồn tại và phát triển hiệu quả, mạnh mẽ tại Việt Nam.

Nghiên cứu gần đây cho thấy, "cơ sở để một loại hình doanh nghiệp phát triển tốt tại Việt Nam thì loại hình doanh nghiệp đó phải thỏa mãn các điều kiện như: (i) quy mô của doanh nghiệp không quá lớn nhưng lại có thể dễ dàng mở rộng quy mô trong dài hạn; (ii) giữa các thành viên của doanh nghiệp phải luôn tồn tại sự tin tưởng lẫn nhau; (iii) doanh nghiệp phải đảm bảo sự an toàn cao về mặt pháp lý trước pháp luật và cho các khách hàng (trong doanh nghiệp cần phải có sự chịu trách liên đới và vô hạn của một số thành viên chủ chốt); và (iv) cơ cấu tổ chức, quản trị điều hành không quá phức tạp".[12] Nếu đem đối chiếu các điều kiện trên với công ty hợp danh thì có thể thấy rằng, đây là loại hình công ty hội tụ nhiều ưu điểm, đồng thời rất phù hợp với tâm lý kinh doanh và các điều kiện kinh tế, xã hội tại Việt Nam. Bởi lẽ, người Việt Nam từ lâu đời vốn đã quen làm ăn manh mún, nhỏ lẻ. Với những mô hình công ty có sự tổ chức cao, quy mô lớn thì việc triển khai tại Việt Nam dường như không mấy phù hợp. Mặt khác, thói quen kinh doanh luôn đề cao sự tin cậy, quen biết, còn tác động lớn đến tâm lý của các nhà đầu tư Việt Nam. Có thể khẳng định, yếu tố tin tưởng (nhân thân) luôn đặt nặng trong suy nghĩ kinh doanh của người Việt. Khi đối chiếu các điều kiện này với công ty hợp danh thì ưu điểm của công ty hợp danh chính là kết hợp được uy tín cá nhân của nhiều thành viên. Hơn nữa, nhờ nghĩa vụ liên đới và trách nhiệm vô hạn của các thành viên hợp danh, làm cho công ty hợp danh dễ dàng tạo được sự tin cậy trước các bạn hàng hay các đối tác kinh doanh. Đồng thời, kế thừa từ Luật Doanh nghiệp năm 1999 và Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Doanh nghiệp năm 2014 còn cho phép công ty hợp danh linh hoạt mở rộng đối tượng thành viên tham gia, khi quy định loại hình thành viên là các thành viên góp vốn. Nhờ vậy, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, công ty hợp danh đều có thể dễ dàng mở rộng quy mô khi cần thiết. Ngoài những ưu điểm trên thì việc quản lý điều hành

[12] Nguyễn Vinh Hưng (2015), "Cần xây dựng loại hình doanh nghiệp phù hợp với nền kinh tế Việt Nam", *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 08/2015, tr. 33.

công ty hợp danh nhìn chung không quá phức tạp, do số lượng các thành viên thường khá ít và lại có sự tin cậy lẫn nhau. Bởi vậy, có thể nói, công ty hợp danh là loại hình công ty có nhiều ưu điểm và rất phù hợp với môi trường thương mại của Việt Nam trong giai đoạn phát triển hiện nay.

3. Một số bất cập về công ty hợp danh trong Luật Doanh nghiệp năm 2014

Trước đây, đã có nghiên cứu chỉ rõ: "nguyên nhân cơ bản khiến cho công ty hợp danh không thành công như mong đợi là do khung pháp lý điều chỉnh công ty hợp danh vẫn còn nhiều bất cập, vướng mắc".[13] Đồng quan điểm này, có quan điểm cho rằng, "những người làm luật đã thiết kế chưa thành công mô hình công ty hợp danh, còn quá nhiều điều chưa rõ ràng và mâu thuẫn, do vậy mô hình này chưa được giới kinh doanh ở Việt Nam hưởng ứng".[14] Qua nghiên cứu, những nguyên nhân cơ bản về mặt pháp lý, dẫn đến việc công ty hợp danh kém phát triển tại Việt Nam như sau:

***Thứ nhất**, về vấn đề tư cách pháp nhân của công ty hợp danh gây ra nhiều tranh luận trong một thời gian khá dài*: Tại Luật Doanh nghiệp năm 1999, công ty hợp danh không được quy định tư cách pháp nhân. Tuy nhiên, kể từ Luật Doanh nghiệp năm 2005 cho đến Luật Doanh nghiệp năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Luật Doanh nghiệp năm 2014, thì công ty hợp danh được quy định có tư cách pháp nhân. Mặc dù vậy, vấn đề có nên quy định hay không nên quy định tư cách pháp nhân cho công ty hợp danh đã dẫn đến nhiều cuộc tranh luận trong một thời gian khá dài. Bởi lẽ, nếu căn cứ các điều kiện để trở thành pháp nhân theo Điều 84 của Bộ luật Dân sự năm 2005 hay Điều 74 của Bộ luật Dân sự năm 2015 hiện nay, thì công ty hợp danh không đủ điều kiện để trở thành một pháp nhân. Cho đến nay, mặc dù việc quy định công ty hợp danh có tư cách pháp nhân được một khoảng thời gian tương đối dài nhưng vẫn có nhiều ý kiến cho rằng: "công ty hợp danh không thể là "một pháp nhân" với lý do là thành viên công ty hợp danh

[13] Minh Ngọc, Ngọc Hà (2011), *Luật kinh tế*, Nhà xuất bản Lao động, tr. 224.
[14] Nguyễn Như Phát, Phạm Duy Nghĩa (2001), *Giáo trình Luật kinh tế Việt Nam*, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 179.

"có trách nhiệm vô hạn".[15] Hoặc có quan điểm cho rằng, "công ty hợp danh chưa được xác định dứt điểm là có tư cách pháp nhân hay không. Đây là sự mập mờ, khó hiểu, gây ra tranh luận ngay trong giới nghiên cứu và sự hoài nghi cho các nhà đầu tư".[16] Còn khi phân tích các văn bản pháp luật thực định, thì mặc dù Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Doanh nghiệp năm 2014 cùng được ban hành trong một khoảng thời gian khá sát nhau nhưng lại có những quy định khác nhau. Điều đó cho thấy, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam hiện nay vẫn thiếu nhất quán và chưa đồng bộ. Chính vì điều này đã ít nhiều làm cho tâm lý các nhà đầu tư e ngại công ty hợp danh và có thể là nguyên nhân dẫn đến sự kém phát triển của loại hình công ty hợp danh ở Việt Nam.

***Thứ hai**, không tách bạch rõ ràng về hình thức pháp lý giữa công ty hợp danh và công ty hợp danh hữu hạn*: Khi phân tích các quy định về loại hình công ty hợp danh, có quan điểm cho rằng: "công ty hợp danh cũng có thể được phân thành hai loại là: công ty hợp danh thường và công ty hợp danh hữu hạn (*limited partnership*). Việc xác định hình thức pháp lý của công ty hợp danh là chưa thật sự rõ ràng, chưa có sự tách bạch hai hình thức hợp danh là hợp danh thường và hợp danh hữu hạn. Điều này là chưa phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn bởi vì sự tách bạch giữa hai hình thức hợp danh có ảnh hưởng tới bản chất của các quan hệ đầu tư trong công ty hợp danh."[17] Trái lại, khác với Việt Nam, pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới đều coi công ty hợp danh và công ty hợp danh hữu hạn (hay còn có thể gọi là công ty hợp vốn đơn giản) là hai loại hình công ty hoàn toàn khác nhau, nên chúng được điều chỉnh bằng từng đạo luật riêng biệt. Còn Luật Doanh nghiệp của Việt Nam lại gộp cả hai loại hình công ty thành một loại hình công ty hợp danh duy nhất. Mô hình công ty theo kiểu "hai trong một" đã tồn tại từ Luật Doanh nghiệp năm 1999 cho đến Luật Doanh nghiệp năm 2014. Điều đó dẫn đến sự nhận thức thiếu chính xác về bản chất pháp lý của cả hai loại công ty

[15] Nguyễn Đình Tài (chủ biên), 2008, *Bài giảng Luật Doanh nghiệp năm 2005*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, tr. 254 - 255.
[16] Văn Thiệu (2002), "Vì sao công ty hợp danh chưa đi vào cuộc sống", *Tạp chí Pháp lý, số 4/2002*, tr. 6.
[17] Đào Lộc Bình (2012), "Đề xuất vấn đề cần sửa đổi Luật doanh nghiệp năm 2005", *Tạp chí Nghề Luật*, số 3/2012, tr. 24.

và pháp luật cũng không thể quy định đầy đủ, chặt chẽ về hai loại công ty này. Có nghiên cứu chỉ rõ bất cập rất lớn phát sinh từ việc quy định không rõ ràng hình thức pháp lý của công ty hợp danh, chính là: "Khi công ty hợp danh ra đời và hoạt động thì công chúng, những người có quan hệ làm ăn với công ty sẽ phải tìm hiểu xem công ty hợp danh nào các thành viên đều chịu trách nhiệm vô hạn và công ty hợp danh nào có cả thành viên chịu trách nhiệm hữu hạn. Bởi vì, nếu trong công ty tất cả các thành viên đều là thành viên hợp danh, đều chịu trách nhiệm vô hạn thì khách hàng có thể giao dịch với bất kỳ thành viên nào và có thể đòi bất kỳ thành viên nào trả toàn bộ khoản nợ của công ty cho mình. Nếu trong công ty lại có cả thành viên chịu trách nhiệm hữu hạn thì khách hàng phải biết rõ thành viên nào chịu trách nhiệm hữu hạn và thành viên nào chịu trách nhiệm vô hạn để giao dịch và đòi nợ nếu có. Thành viên chịu trách nhiệm hữu hạn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi vốn góp. Khách hàng không thể đòi thành viên chịu trách nhiệm hữu hạn trả toàn bộ số nợ của mình, nếu số nợ đó lớn hơn phạm vi chịu trách nhiệm của thành viên này."[18]

***Thứ ba**, từ vấn đề không tách bạch rõ ràng giữa công ty hợp danh và công ty hợp danh hữu hạn, dẫn đến những khó khăn trong việc chuyển đổi hình thức công ty giữa chúng*: Theo quy định tại khoản 1, Điều 172 của Luật Doanh nghiệp năm 2014, công ty hợp danh bắt buộc phải có ít nhất hai thành viên hợp danh và có thể có thêm các thành viên góp vốn. Qua đó, dường như vai trò của các thành viên góp vốn không có nhiều ý nghĩa. Bởi lẽ, khi một thành viên hợp danh đột ngột rời khỏi công ty (chết, mất tích…) thì theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 201, Luật Doanh nghiệp năm 2014, trong thời hạn 06 tháng, nếu không có thêm một thành viên hợp danh nữa thì công ty hợp danh sẽ bắt buộc phải giải thể mà mặc dù có thể công ty vẫn còn có một (hoặc một số) các thành viên góp vốn đang tiếp tục hoạt động. Nếu có quy định tách bạch rõ ràng loại hình công ty hợp danh và công ty hợp danh hữu hạn thì việc giải quyết vấn đề trên sẽ hết sức đơn

[18] Nguyễn Thị Khế, Bùi Thị Khuyên (1999), *Luật kinh doanh*, Nhà xuất bản Thống kê, tr. 197.

giản. Khi đó, công ty hợp danh vẫn có thể tiếp tục tồn tại với duy nhất một thành viên hợp danh cộng với một thành viên góp vốn và chỉ cần làm thủ tục chuyển đổi hình thức công ty sang loại hình công ty hợp danh hữu hạn. Như vậy, việc tách bạch rõ ràng hai loại hợp danh còn làm cho việc chuyển đổi hình thức công ty giữa chúng trở nên dễ dàng, linh hoạt và thuận tiện hơn.

***Thứ tư**, về đối tượng có thể trở thành thành viên hợp danh*: Mô hình công ty hợp danh của Việt Nam được hình thành trên cơ sở tiếp thu từ các quốc gia khác. Tuy vậy, mô hình công ty hợp danh của Việt Nam lại tồn tại khá nhiều nhược điểm, hạn chế. Điển hình trong đó chính là "sự giới hạn các thành viên hợp danh chỉ là các cá nhân".[19] Có lẽ, nhà làm luật Việt Nam không muốn cho pháp nhân được phép trở thành thành viên hợp danh, bởi vì các pháp nhân thường có cơ chế chịu trách nhiệm hữu hạn về mặt tài sản. Điều này sẽ phá vỡ trật tự chung của tính chất thành viên hợp danh luôn chịu trách nhiệm vô hạn về tài sản. Tuy nhiên, khi nghiên cứu các hình thức tổ chức công ty ở nước Pháp, "là nơi gần như đã tập hợp tất cả những đặc điểm của cách tổ chức công ty của nền kinh tế hàng hóa ở nhiều nước trên thế giới, tại đây người ta cho rằng: các pháp nhân cũng vẫn sử dụng loại công ty đối nhân này và như vậy, là không hiếm trường hợp hai hoặc nhiều công ty cùng nhau thành lập một công ty hợp danh. Trách nhiệm không hạn định cũng thay đổi tùy theo việc hội viên là pháp nhân hay thể nhân, trường hợp hội viên là pháp nhân thì trách nhiệm vô hạn này vẫn bị giới hạn bởi trách nhiệm hữu hạn của công ty đã tham gia vào công việc làm ăn của công ty trách nhiệm vô hạn như là một hội viên (ví dụ một công ty trách nhiệm hữu hạn là hội viên của một công ty hợp danh)".[20] Tại Hoa Kỳ, "thành viên hợp danh có thể là một công ty".[21] Trên thực tế, đã từng có học giả tại Việt Nam đề nghị xem xét lại tư cách thành viên của thành viên hợp danh và "việc mở rộng thành viên hợp danh là pháp

[19] Nguyễn Vinh Hưng (2013), "Công ty hợp danh theo Luật doanh nghiệp năm 2005 - Một số bất cập và kiến nghị", sđd, tr. 37.
[20] Maurice Cozian, Alian Viandier, *Tổ chức công ty*, dịch từ nguyên bản tiếng Pháp "Droit des societes: Litec. 1988", Viện Khoa học Pháp lý - Bộ Tư pháp, 1990, tr. 165.
[21] Marianne M. Jennings (2006), *Business its legal, Ethical, and global environment*, seventh edition, Thomson West, pp. 853.

nhân".[22] Tuy nhiên, với quy định hiện nay của Luật Doanh nghiệp 2014 thì ít nhiều đã tạo nên sự kém hấp dẫn của loại hình công ty hợp danh.

4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện chế định pháp luật về công ty hợp danh tại Việt Nam trong giai đoạn hội nhập quốc tế

Trong bối cảnh nhà làm luật Việt Nam đang cố gắng hoàn thiện "sân chơi" pháp lý là các loại hình công ty để phục vụ cho các nhà đầu tư thì việc sửa đổi, bổ sung khắc phục những nhược điểm về mặt pháp lý của công ty hợp danh là hết sức cần thiết. Bởi, khi phân tích các đặc điểm kinh tế, xã hội và truyền thống kinh doanh tại Việt Nam, có thể nhận thấy, mô hình công ty hợp danh hoàn toàn phù hợp với các điều kiện trên. Vì vậy, bài viết xin đưa ra một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần nhanh chóng tách bạch rõ ràng giữa công ty hợp danh và công ty hợp danh hữu hạn: bởi lẽ, đây vốn là hai loại hình công ty hoàn toàn khác nhau. Chính vì thế, cần thiết phải quy định rõ ràng từng loại hình công ty bằng hệ thống các quy định riêng biệt. Khi phân định rõ hai loại hình công ty sẽ mang lại những điều chỉnh chính xác, chặt chẽ, phù hợp và đồng thời còn nâng cao hiệu quả hoạt động cho từng loại công ty. Hiện nay, theo xu hướng chung, pháp luật của hầu hết các quốc gia trên thế giới đều có sự phân biệt trong cơ chế điều chỉnh giữa công ty hợp danh và công ty hợp danh hữu hạn. Sự phân biệt này có ý nghĩa đảm bảo tính chặt chẽ của pháp luật về công ty hợp danh và công ty hợp danh hữu hạn, "tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong việc nhận thức và áp dụng pháp luật để tổ chức vận hành các loại hình doanh nghiệp này".[23] Trên thực tế, nhiều quốc gia hiện đang điều chỉnh mỗi loại hình công ty bằng từng đạo luật riêng biệt. Cụ thể tại Anh quốc có Luật Hợp danh 1890, Luật Hợp danh hữu hạn 1907, Luật Hợp danh trách nhiệm hữu hạn 2000. Còn Hoa Kỳ có Luật Hợp danh thống nhất 1914 (sửa đổi năm 1992 và hoàn thiện năm 1997), Luật về hợp danh hữu hạn ban hành 1916 và đã sửa đổi vào các năm 1976, 1985, 2001.

[22] Đỗ Văn Đại (2005), "Cần quy định hợp lý về công ty hợp danh", *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 06/2005. tr. 52 - 55.
[23] Nguyễn Như Phát (2011), *Giáo trình Luật Kinh tế Việt Nam*, Viện Đại học Mở Hà Nội, Nhà xuất bản Công an Nhân dân, tr. 104.

Thứ hai, về vấn đề tư cách pháp nhân của công ty hợp danh: qua phân tích, việc thừa nhận tư cách pháp nhân của công ty hợp danh có nhiều thuận lợi hơn việc không thừa nhận tư cách pháp nhân. Hay nói cách khác, "Luật Doanh nghiệp thừa nhận công ty hợp danh có tư cách pháp nhân là một bước tiến trong sự phát triển về pháp lý kinh tế cũng như trong việc soạn thảo văn bản pháp luật để điều chỉnh hoạt động kinh tế".[24] Chính vì vậy, cần nghiên cứu cách thức xây dựng pháp luật của một số quốc gia có nền khoa học pháp lý tiên tiến, hiện đại như Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Đức… Từ đó, tìm ra cách thức xây dựng Bộ luật Dân sự và Luật Doanh nghiệp tại Việt Nam đồng bộ, thống nhất để tránh những xung đột về sự thiếu đồng bộ, thiếu nhất quán trong các văn bản pháp luật này. Trên thực tế, đối với mỗi nhà đầu tư kinh doanh, việc pháp luật ổn định, nhất quán là đã tạo môi trường đầu tư an toàn, đồng thời tạo sức hấp dẫn đối với họ.

Thứ ba, pháp luật nên quy định những ngành nghề kinh doanh như y tế (mở phòng khám chữa bệnh tư, cửa hàng bán thuốc chữa bệnh và các vật tư ngành y tế), dịch vụ pháp lý (văn phòng, công ty luật hay dịch vụ công chứng tư, dịch vụ thừa phát lại)… bắt buộc phải thành lập dưới hình thức công ty hợp danh. Bởi, đây là những ngành nghề mà pháp luật rất không nên cho người kinh doanh được hưởng cơ chế chịu trách nhiệm hữu hạn. Sở dĩ như vậy là vì, những ngành nghề này có tầm quan trọng, ảnh hưởng và tác động rất lớn đến đời sống xã hội. Chỉ cần những người chủ kinh doanh các dịch vụ trên, thiếu tinh thần trách nhiệm hay chủ quan, tắc trách đều dẫn đến những hậu quả rất lớn mà khó có thể sửa chữa lại. Nên nếu để các lĩnh vực này được phép kinh doanh dưới hình thức công ty cổ phần hay công ty trách nhiệm hữu hạn sẽ mang lại sự chủ quan, thiếu trách nhiệm vì những người chủ kinh doanh được xác định sẽ chỉ phải chịu những hậu quả trong phạm vi số vốn giới hạn của họ. Còn nếu như bắt buộc phải thành lập dưới hình thức công ty hợp danh, có thể ít nhiều sẽ gây khó khăn cho những người chủ đầu tư bởi trách nhiệm vô hạn nhưng bù lại, sẽ mang lại tinh thần trách nhiệm, ý

[24] Nguyễn Vinh Hưng (2013), "Công ty hợp danh theo Luật doanh nghiệp năm 2005 - Một số bất cập và kiến nghị", sđd, tr. 39.

thức về công việc cao hơn cho họ. So sánh giữa những giá trị đạt được và hạn chế của việc thành lập dưới hình thức công ty hợp danh đối với các ngành nghề trên, có thể nhận thấy, hiệu quả, khả năng mà chúng mang lại luôn cao hơn và đáp ứng tốt hơn yêu cầu từ phía xã hội. Trên thực tế, thời gian trước đây, pháp luật đã từng có quy định, khi kinh doanh các dịch vụ pháp lý thì bắt buộc phải kinh doanh dưới hình thức là các văn phòng luật hoặc phải thành lập theo mô hình công ty luật hợp danh và mô hình này được tổ chức gần như theo mô hình công ty hợp danh trong Luật Doanh nghiệp.[25] Hoặc quy định hiện nay đối với Văn phòng thừa phát lại, nếu do một thừa phát lại thành lập thì được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân, còn nếu do hai thừa phát lại trở lên thành lập thì sẽ tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty hợp danh.[26] Điều này chứng tỏ, pháp luật ngày càng quan tâm đến vấn đề định hướng ngành nghề kinh doanh theo đặc thù của từng loại hình công ty.

Mở rộng phạm vi nghiên cứu để tìm hiểu kinh nghiệm từ các quốc gia khác: "Một số loại dịch vụ (tư vấn pháp lý, khám, chữa bệnh, thiết kế kiến trúc) có ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng người tiêu dùng ngay khi sử dụng... Kinh nghiệm quốc tế, pháp luật quy định hai điều kiện cơ bản để kinh doanh các dịch vụ đó: (i) cá nhân cung ứng các dịch vụ đó phải có trình độ chuyên môn tương ứng, và (ii) hình thức kinh doanh phải là doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty hợp danh. Pháp luật đòi hỏi trách nhiệm cá nhân rất cao đối với người cung ứng các dịch vụ nói trên, buộc họ phải có ý thức trách nhiệm và cả tính cẩn trọng cao nhất là việc đảm bảo chất lượng dịch vụ, qua đó bảo vệ lợi ích người tiêu dùng. Kinh doanh các dịch vụ trên đòi hỏi người trực tiếp cung ứng phải chịu trách nhiệm vô hạn và do đó phải thành lập công ty hợp danh".[27] Thiết nghĩ, việc quy định cụ thể các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh với từng loại hình doanh nghiệp hoàn toàn không làm hạn chế quyền tự do, sáng tạo trong kinh doanh. Bởi chỉ với mục đích định hướng

[25] Điều 17 và Điều 19, *Pháp lệnh luật sư năm 2001*.
[26] Khoản 4, Điều 1, Quyết định 224/QĐ-TTg ngày 19/2/2009 của Thủ tướng Chính phủ về *Phê duyệt đề án "Thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại tại thành phố Hồ Chí Minh"*.
[27] Nguyễn Như Phát, Lê Minh Toàn (2006), *Luật Kinh tế Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, tr. 311.

các ngành nghề kinh doanh đi theo đúng trật tự, hoạt động an toàn, hiệu quả và phù hợp với thế mạnh của từng loại hình doanh nghiệp.

Sự phát triển của nền kinh tế phụ thuộc rất lớn từ hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. Qua nghiên cứu cho thấy, công ty hợp danh là loại hình công ty có lịch sử lâu đời và khá phù hợp với các điều kiện kinh tế, xã hội cũng như tâm lý kinh doanh tại Việt Nam. Trong thời gian tới, một trong những nhiệm vụ quan trọng mà các nhà lập pháp Việt Nam phải thực hiện là nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện hành lang pháp lý về loại hình công ty hợp danh. Bởi lẽ, sự phát triển mạnh mẽ của công ty hợp danh có thể thu hút và tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và cả nước ngoài khi đến kinh doanh tại Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Lộc Bình (2012), "Đề xuất vấn đề cần sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2005", *Tạp chí Nghề Luật*, số 3/2012.
2. Báo tuổi trẻ (2016), *Doanh nghiệp Việt ngày càng li ti*, truy cập ngày 6/7/2016 14:20PM, từ http://tuoitre.vn/tin/kinh-te/20160704/doanh-nghiep-viet-ngay-cang-li-ti/1130905.html.
3. Đỗ Văn Đại (2005), "Cần quy định hợp lý về công ty hợp danh", *Nghiên cứu lập pháp*, số 06/2005.
4. Nguyễn Thị Khế, Bùi Thị Khuyên (1999), *Luật kinh doanh*, Nhà xuất bản Thống kê.
5. Nguyễn Vinh Hưng (2013), "Công ty hợp danh theo Luật doanh nghiệp năm 2005 - Một số bất cập và kiến nghị", *Dân chủ và pháp luật*, số 07/2013.
6. Nguyễn Vinh Hưng (2015), "Cần xây dựng loại hình doanh nghiệp phù hợp với nền kinh tế Việt Nam", *Dân chủ và pháp luật*, số 08/2015.
7. Nguyễn Vinh Hưng (2015), "Phân biệt công ty hợp danh và công ty hợp vốn đơn giản theo Luật Doanh nghiệp năm 2014", *Nghề luật*, số 06/2015.
8. Minh Ngọc, Ngọc Hà (2011), *Luật Kinh tế*, Nhà xuất bản Lao động.

9. Marianne M. Jennings (2006), *Business its legal, Ethical, and global environment*, seventh edition, Thomson West.
10. Maurice Cozian, Alian Viandier (1990), *Tổ chức công ty*, dịch từ nguyên bản tiếng Pháp "Droit des societes: Litec. 1988", Viện Khoa học Pháp lý - Bộ Tư pháp.
11. Phạm Duy Nghĩa (2009), *Luật Doanh nghiệp: tình huống - phân tích - bình luận*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Nguyễn Như Phát, Phạm Duy Nghĩa (2001), *Giáo trình Luật kinh tế Việt Nam*, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Nguyễn Như Phát, Lê Minh Toàn (2006), *Luật Kinh tế Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
14. Nguyễn Như Phát (2011), *Giáo trình Luật Kinh tế Việt Nam*, Viện Đại học Mở Hà Nội, Nhà xuất bản Công an Nhân dân.
15. Ngô Văn Tăng Phước (2009), *Giáo trình Pháp luật kinh tế*, Nhà xuất bản Thống kê.
16. Quốc hội (1999), *Luật Doanh nghiệp*.
17. Nguyễn Đình Tài (chủ biên 2008), *Bài giảng Luật Doanh nghiệp năm 2005*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật.
18. Đỗ Thị Kim Tiên (2013), "Hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm quyền bình đẳng doanh nghiệp ở Việt Nam", *Dân chủ và pháp luật*, số 9 (258).
19. Văn Thiệu (2002), "Vì sao công ty hợp danh chưa đi vào cuộc sống", *Tạp chí Pháp lý*, số 4/2002.
20. Lê Tài Triển, Nguyễn Vạng Thọ và Nguyễn Tân (1973), *Luật Thương Mại Việt Nam dẫn giải*, Nhà xuất bản Kim lai ấn quán, Quyển II, tr. 763.
21. Thủ tướng Chính phủ (2009), Quyết định 224/QĐ-TTg ngày 19/2/2009 về *Phê duyệt đề án "Thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại tại thành phố Hồ Chí Minh"*.
22. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2001), *Pháp lệnh luật sư*.

23. Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung Ương - Cổng thông tin kinh tế Việt Nam (2010), *Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, truy cập ngày 23/6/2016, lúc 19:10 PM, từ *http://www.vnep.org.vn/vi-vn/Cac-loai-hinh-doanh-nghiep/Phat-trien-Doanh-nghiep-nho-va-vua-o-Viet-Nam.html*.